

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DK
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -7-2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Đang

Ông Nguyễn Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị S – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn XP, xã Suối T, DK, Khánh Hòa.

Bà S có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Linh V – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn QT, xã Diên H, DK, Khánh Hòa.

Ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị S trình bày: Bà và ông Mai Linh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST. Trong thời gian chung sống với nhau, bà nhận thấy có quá nhiều điểm khác nhau. Ông V không tôn trọng vợ con và gia đình vợ, thường xuyên mắng chửi, xúc phạm gia đình vợ. Ông V nghiện cờ bạc và nghiện rượu đã nhiều lần vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi mặc dù đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hoàn thiện nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Về con

chung: Bà và ông V có một con chung là Mai Ngọc L – sinh ngày 09/4/2017. Bà S có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S xác định không có.

- Tại bản tự khai ngày 09/5/2019, bị đơn ông Mai Linh V trình bày: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bà S cho rằng ông xúc phạm vợ và gia đình vợ là không đúng, chỉ khi say ông mới lớn tiếng nhưng sau đó ông không nhớ gì. Bà S thường lớn tiếng, nói nặng lời với ông khiến ông buồn nên có đi uống rượu và bài bạc. Ông V xác định còn tình cảm với bà S nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông V và bà S có một con chung là Mai Ngọc L - sinh ngày 09/4/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V xác định không có.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông Mai Linh V; có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có. Bị đơn ông Mai Linh V không đồng ý ly hôn; trường hợp ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà S nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện DK: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị S. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị S và ông Mai Linh V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 14/6/2017; đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà S và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông V thường xuyên uống rượu và bài bạc, mỗi lần say rượu lại xúc phạm bà và cha mẹ bà dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà S đã cố gắng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông V. Ông V xác nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thường xuyên, ông xác nhận có nghiện rượu nhưng do bà S nói nặng lời khiến ông buồn nên mới uống rượu say và cờ bạc. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà S và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà S là phù hợp.

[2] Về con chung: Bà Thái Thị S và ông Mai Linh V có một con chung là Mai Ngọc Lan – sinh ngày 09/4/2017. Bà S, ông V đều thống nhất giao con chung cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà S không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thái Thị S được ly hôn với ông Mai Linh V.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Ngọc Lan – sinh ngày 09/4/2017 cho bà Thái Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Mai Linh V. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, ông V và bà S đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Thái Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002614 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DK nên bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;

- Chi cục THADS huyện DK;
- UBND xã ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Bùi Thị Ân

TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

BÙI THỊ ẨM

